

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày: 17/01/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Chí

2. Ông Phạm Nguyễn Anh T

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền - *Thư ký tòa án nhân dân quận Gò Vấp.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên Tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 430/2023/TLST-DS ngày 24/07/2023 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 605/2023/QĐXX-DS ngày 05/12/2023 và quyết định hoãn phiên toàn số 547/2023/QĐST-DS ngày 27/12/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại cổ phần S; Địa chỉ: Lầu A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D. Chức vụ: Trưởng PGD. Đại diện Ngân hàng TMCP S theo Giấy ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022. Ông Nguyễn Văn D ủy quyền lại cho ông Lê Kha M theo giấy ủy quyền số 3107/GUQ-NLB ngày 31/07/2023.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Lê M T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số B đường Nguyễn Thái Sơn, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/05/2023 và bản tự khai nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần S (Sacombank) – Chi Nhánh Quận 7 – phòng giao dịch Nguyễn Lương Bằng có tài trợ cho ông Trần Lê M T vay vốn theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202126014701 ngày 02/03/2021. Theo đó, ông Trần Lê M T đã nhận nợ vay với tổng số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích vay vốn để tiêu dùng cá nhân. Và ngân hàng đã tài trợ cho ông Trần Lê M T thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Lê M T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 383.958.223 đồng. Ngày 17/10/2022, do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Sacombank đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Sacombank thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc để yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Sacombank cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ. Tuy nhiên, ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Tính đến ngày 17/01/2024 số tiền của hai khoản nợ là 154.101.906 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm lẻ một nghìn chín trăm lẻ sáu đồng), trong đó: Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202126014701 ngày 02/03/2021. Tổng số tiền 76.334.801 đồng (Bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm lẻ một đồng), nợ gốc: 60.404.000 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng), lãi trong hạn 314.860 đồng, lãi quá hạn 14.916.428 đồng, lãi phạt 699.513 đồng. Thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 17/01/2024; 77.767.105 đồng (Bảy mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm lẻ năm đồng), nợ gốc; 53.600.725 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng). Lãi quá hạn: 24.166.380 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi đồng). Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Lê M T phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng tổng số nợ 154.101.906 đồng. Yêu cầu ông Trần Lê M T tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 18/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ để đến Tòa ghi bản tự khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;

Về tổ tụng:

Giám sát quá trình giải quyết vụ án dân sự giữa Ngân hàng Thương Mại cổ phần S với ông Trần Lê M Tnhận thấy: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, về thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách người tham gia tố tụng, xác M thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa đảm bảo trình tự xét xử vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các bên khi tranh tụng, đúng pháp luật tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngân hàng Thương Mại cổ phần S khởi kiện ông Trần Lê M T về hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ông T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số Số 568 đường Nguyễn Thái Sơn, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí M. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Căn cứ trình bày của đại diện nguyên đơn trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/9/2019 và hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ ngày 02/3/2021 đã được

Ngân hàng Thương Mại cổ phần S ký với ông Trần Lê M T, ngân hàng đã đồng ý cho ông Tvay 100.000.000 đồng và tài trợ cho ông Trần Lê M T thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng mục đích vay vốn để tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp tín dụng ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 383.958.223 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T không thực hiện việc thanh toán đúng như thỏa thuận, số nợ tạm tính đến ngày 17/01/2024 Ông Trần Lê M T có trách nhiệm phải thanh toán cho Sacombank tổng số tiền của hai khoản nợ là 154.101.906 đồng, trong đó: Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202126014701 ngày 02/03/2021. Tổng số tiền 76.334.801 đồng, nợ gốc: 60.404.000 đồng, lãi trong hạn 314.860 đồng, lãi quá hạn 14.916.428 đồng, lãi phạt 699.513 đồng. Thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 17/01/2024 là 77.767.105 đồng, nợ gốc 53.600.725 đồng, lãi quá hạn 24.166.380 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 17/10/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng Thương Mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Trần Lê M T thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 17/01/2024 là 154.101.906 đồng. Và Ngân hàng yêu cầu ông T phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng. Như vậy giữa ông T và Ngân hàng Thương Mại cổ phần S có giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Luật án phí lệ phí 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại cổ phần S với bị đơn ông Trần Lê M T.

Buộc ông Trần Lê M T phải có trách nhiệm thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 17/01/2024 là 154.101.906 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu một trăm lẻ một nghìn chín trăm lẻ sáu đồng), trong đó: Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 202126014701 ngày 02/03/2021, tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/01/2024 là 76.334.801 đồng (Bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm lẻ một đồng), nợ gốc: 60.404.000 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng), lãi trong hạn 314.860 đồng, lãi quá hạn 14.916.428 đồng, lãi phạt 699.513 đồng. Thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 17/01/2024; 77.767.105 đồng (Bảy mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm lẻ năm đồng), nợ gốc 53.600.725 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng) lãi quá hạn 24.166.380 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi đồng).

Ngân hàng Thương Mại cổ phần S được quyền tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18/01/2024 cho đến khi ông T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí: Ông Trần Lê M T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **7.705.095 đồng**.

Ngân hàng Thương Mại cổ phần S được hoàn lại số tiền 3.176.590 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0012088 ngày 24/07/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSNDTP.HCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bình